

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHỤNG HIỆP  
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 255/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 7 - 2020

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP-TỈNH HẬU GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Liêm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành Quyến;
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Loan.

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Công Trện – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2020/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2020/QĐXXST-HN, ngày 04 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2020/QĐST-HN, ngày 24 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Trương Thị T**, sinh năm 1971.

*Địa chỉ:* ấp L, xã B, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* **Tô Văn C**, sinh năm 1972.

*Địa chỉ:* ấp L, xã B, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Trương Thị T (sau đây gọi chị T) trình bày: giữa chị và bị đơn Tô Văn C (sau đây gọi anh C) qua tìm hiểu nhau mà tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 1990, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng chị không lo làm ăn mà còn cờ bạc, không lo cho cuộc sống gia đình vợ,

con, từ đó thường cãi vã nhau trong cuộc sống, đã nhiều lần hoà giải hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: xin ly hôn với anh C.

-Về con chung: có hai người con chung, một người đã đủ tuổi trưởng thành, người còn lại tên Tô Nhựt T (nam), sinh ngày 04 tháng 5 năm 2007. Hiện tại con chung sống với chị T, nay ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, chưa yêu cầu anh C cấp dưỡng.

-Về nợ và tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn Tô Văn C trình bày: thừa nhận lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung và thời gian ly thân. Riêng về nguyên nhân mâu thuẫn, anh cho rằng không có mâu thuẫn gì lớn mà vợ anh lại sống ly thân, do còn thương vợ, con nên anh chưa đồng ý ly hôn. Giả sử phải ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị T được nuôi dưỡng, anh chưa phải cấp dưỡng; Về nợ và tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 02.6.2020, cháu Tô Nhựt T trình bày: khi cha, mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống với mẹ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: về thủ tục tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng; bị đơn chưa phải cấp dưỡng; về nợ và tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn được qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: anh Tô Văn C được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với anh C.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: chị T và anh C qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1990, đến ngày 27 tháng 4 năm 2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Hậu Giang, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: chị và anh C trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C không lo làm ăn, không quan tâm nhiều đến vợ, con từ đó bất đồng quan điểm sống mà không có giải pháp khắc phục để hoà giải hàn gắn tình cảm mà đã sống ly thân; xét thấy thời gian ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm, lo lắng cho ai. Anh C không đồng ý ly hôn nhưng không tham dự phiên tòa và không đưa ra được giải pháp đoàn tụ, điều này chứng tỏ anh cũng không quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này. Trong khi tại phiên tòa hôm nay, chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh C và cương quyết xin ly hôn; từ đó thấy rằng hôn nhân giữa anh, chị đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[5] Về con chung: có một người con chung đã đủ tuổi trưởng thành, người còn lại, anh C và chị T không tranh chấp về quyền nuôi con. Xét chị T có yêu cầu được nuôi con chung và anh C cũng đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, sự thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của cháu Tâm nên cần tiếp tục giao cháu T cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng và nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi chị T, anh C có yêu cầu khác.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị T chưa yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh C mà không ai có quyền cản trở.

[7] Về tài sản và nợ chung: anh C, chị T yêu cầu để tự thỏa thuận nên không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có căn cứ chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trương Thị T và anh Tô Văn C.

2. Về nuôi con chung: chị Trương Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng Tô Nhựt T (nam), sinh ngày 04 tháng 5 năm 2007 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi anh C, chị T có yêu cầu khác.

Anh Tô Văn C chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh C mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu, không xem xét

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Trương Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002726, ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
- UBND xã B, h. H, tỉnh Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thanh Liêm**